

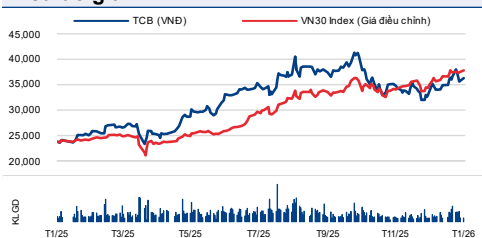
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ46,000
Tiềm năng tăng/giảm: 28.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/1/2026)	35,950
Mã Bloomberg	TCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	22,991-41,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	36,017
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	253,981
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	9,670
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,065
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,591
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,90
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.5%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.5%
Tỷ lệ freefloat	60.0%
Cổ đông lớn	nh và người liên quan (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	979	1,121	1,327
Dư nợ cho vay (ntđ)	632	765	940
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	47.0	53.3	64.0
Lợi nhuận thuần (ntđ)	21.5	25.1	31.0
BVPS (đồng)	20,583	22,727	26,110
EPS (đồng)	3,054	3,557	4,389
DPS (đồng)	1,500	1,000	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	21.8	21.0	23.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	17.3	13.4	20.1
Tăng trưởng EPS (%)	19.5	16.4	23.4
Tăng trưởng DPS (%)	-	(33.3)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	49.1	28.1	22.8
ROAE (%)	15.6	16.4	18.0
ROAA (%)	2.35	2.39	2.53
Tỷ lệ NIM (%)	4.45	4.00	4.25
Tỷ lệ CIR (%)	32.7	31.2	29.2
Hệ số CAR (%)	15.3	14.2	13.7
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.12	1.10	1.20
LLR/nợ xấu (%)	114	123	108
Hệ số LDR (%)	118	128	133
P/B (lần)	1.75	1.58	1.38
P/E (lần)	11.8	10.1	8.19
Lợi suất cổ tức (%)	4.17	2.78	2.78

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Một trong những ngân hàng dẫn đầu & tập trung vào lĩnh vực cho vay BĐS. Hiện tại TCB có chỉ số CAR, ROA, CASA thuộc nhóm cao nhất ngành.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.phien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

LNTT Q4 tăng 95%, khởi sắc đúng như dự báo

- TCB đã công bố KQKD Q4/2025 mạnh mẽ với LNTT đạt 9.153 tỷ đồng (tăng 95% so với cùng kỳ trên nền thấp và tăng 11% so với quý trước). Theo đó, LNTT cả năm 2025 đạt 32,5 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 18% và cao hơn 1% so với dự báo của chúng tôi.
- Động lực bao gồm: Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ 20,6% cùng với danh mục cho vay tiếp tục được đa dạng hóa, tỷ lệ NIM cải thiện nhẹ so với quý trước, thu nhập phí vững chắc và chất lượng tài sản cải thiện ổn định. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,07% với đệm dự phòng được củng cố thể hiện qua tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 128%.
- Giá cổ phiếu TCB nhìn chung đi ngang trong 1 tháng qua và hiện đang giao dịch với P/B dự phóng năm là 1,37 lần, chỉ cao hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu (tiềm năng tăng giá 28%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 + cập nhật của BLĐ

TCB đã công bố KQKD Q4/2025 khả quan với LNTT đạt 9.153 tỷ VND (tăng 95% so với cùng kỳ và tăng 11% so với quý trước), cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi. Nhìn chung, động lực tăng trưởng đến từ mở rộng quy mô bảng cân đối mạnh mẽ, tỷ lệ NIM cải thiện so với quý trước và chất lượng tài sản cải thiện ổn định. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy một số rủi ro giảm đối với dự báo năm 2026 nếu TCB được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng thấp hơn so với giả định hiện tại của chúng tôi (23%).

Tín dụng tăng trưởng chậm lại trong Q4, tiếp tục đa dạng hóa danh mục cho vay

Tăng trưởng tín dụng giảm tốc trong Q4/2025 do hạn mức còn lại bị giới hạn. Do đó, tăng trưởng tín dụng cả năm đạt 20,6% so với cùng kỳ (tăng 2,4% so với quý trước). Cụ thể như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và năm 2025, TCB

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	8,602	10,788	25%	35,508	38,155	7%	101%
Thu nhập ngoài lãi	953	4,007	321%	11,482	15,236	33%	97%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,463	2,571	76%	8,042	8,772	9%	100%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	(424)	213	N/a	593	1,642	177%	103%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	252	728	189%	2,440	2,898	19%	91%
Thu nhập thuần khác	(338)	495	N/a	407	1,924	372%	93%
Tổng thu nhập HĐ	9,555	14,795	55%	46,990	53,391	14%	100%
Chi phí HĐ	(4,741)	(4,824)	2%	(15,370)	(16,432)	7%	99%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	4,814	9,971	107%	31,621	36,959	17%	101%
Chi phí dự phòng	(118)	(818)	594%	(4,082)	(4,421)	8%	98%
LNTT	4,696	9,153	95%	27,538	32,538	18%	101%
Lợi nhuận thuần	3,371	6,676	98%	21,523	25,291	18%	101%

Nguồn: TCB, HSC

- **Cơ cấu tín dụng Q4/2025:** Cho vay khách hàng giảm 0,2% so với quý trước và tăng 19,4% so với cùng kỳ; dư nợ cho vay kỳ quỹ tăng 5,1% so với quý trước và tăng 69,3% so với cùng kỳ và đầu tư TPDN tăng 47% so với quý trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ.
- **Đa dạng hóa danh mục tín dụng:** Tín dụng ngành BĐS (cho vay + đầu tư TPDN) giảm 6% so với quý trước, tương đương tỷ trọng giảm xuống 31% tổng dư nợ cho vay khách hàng từ 33% trong Q4/2024 – phù hợp dự định được BLĐ chia sẻ.

Đáng chú ý, phân khúc bán lẻ đã tăng tốc trở lại trong giai đoạn này với động lực đến từ cho vay mua nhà và các sản phẩm lợi suất cao hơn. Cho vay cá nhân tăng 9,3% so với quý trước chủ yếu nhờ cho vay mua nhà tăng 9% so với quý trước. Giải ngân cho vay mua nhà đạt 40,8 nghìn tỷ đồng, mức cao nhất trong một quý giai đoạn 2023-2025, phản ánh (i) nhu cầu tín dụng chuyển từ chủ đầu tư sang người tiêu dùng cuối vay mua nhà khi nhiều dự án bước vào giai đoạn mở bán sớm/giao dịch, (ii) tâm lý/thanh khoản thị trường BĐS cải thiện và (iii) nỗ lực của TCB nhằm xây dựng danh mục bán lẻ đa dạng hơn.

Ngoài ra, cho vay tín chấp bán lẻ tăng 24% so với quý trước và tăng 248% so với cùng kỳ trên mức nền thấp, cho thấy xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm có lợi suất và rủi ro cao hơn - phản ánh một phần của chiến lược đa dạng hóa.

Triển vọng năm 2026: BLĐ ước tính hạn mức tín dụng được cấp ban đầu cho năm 2026 ở mức khoảng 12%, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng bình quân khoảng 21% của TCB trong giai đoạn 2023-2025. Tuy nhiên, BLĐ tin rằng TCB có thể được cấp thêm hạn mức vào cuối năm như trong quá khứ, nhờ nền vốn mạnh, hoạt động hiệu quả và chất lượng tài sản tốt.

Tăng trưởng huy động cải thiện; hệ số LDR hạ nhiệt sau khi chạm đỉnh

Tổng nguồn vốn huy động tăng 23,8% so với cùng kỳ (tăng 7,4% so với quý trước) – trong đó tiền gửi khách hàng tăng 16% so với cùng kỳ (tăng 4% so với quý trước) và giấy tờ có giá tăng 53,3% so với cùng kỳ (tăng 18,5% so với quý trước). Theo đó, hệ số LDR điều chỉnh giảm xuống 98,8% từ mức đỉnh 104-105% trong nửa đầu năm 2025.

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn vẫn nằm trong nhóm dẫn đầu, đạt 35,9% (không bao gồm số dư sinh lời tự động) hoặc 40,4% (nếu bao gồm số dư sinh lời tự động), qua đó củng cố lợi thế về nguồn vốn trong bối cảnh áp lực chi phí trong ngắn hạn.

Tỷ lệ NIM cải thiện nhẹ so với quý trước

Tỷ lệ NIM cải thiện 16 điểm cơ bản so với quý trước đạt 4,25% trong Q4/2025 nhờ lợi suất tài sản (tăng 29 điểm cơ bản) tăng mạnh hơn chi phí huy động (tăng 6 điểm cơ bản), nhưng hệ số LDR điều chỉnh giảm xuống. Do đó, tỷ lệ NIM bình quân cả năm 2025 đạt 4%, giảm 40 điểm cơ bản so với cùng kỳ, phản ánh xu hướng thu hẹp tỷ suất lợi nhuận của ngành trong năm 2025.

Triển vọng năm 2026: BLĐ kỳ vọng lãi suất sẽ tiếp tục tăng 50-60 điểm cơ bản với áp lực ngắn hạn trong Q1/2026 do kỳ hạn của tài sản dài hơn nguồn vốn (tốc độ định lại lãi suất của tài sản chậm hơn). Tuy nhiên, Ngân hàng cũng kỳ vọng tình hình sẽ ổn định và cải thiện nhẹ vào phần còn lại của 2026 khi Ngân hàng kiểm soát tác động của áp lực chi phí huy động và chuyển dịch sang các tài sản có lợi suất cao hơn.

Thu nhập phí tiếp tục hồi phục, dẫn đầu là trái phiếu và bảo hiểm

Lãi thuần HĐ dịch vụ tiếp tục vững chắc, tăng 75,7% so với cùng kỳ và tăng 13,5% so với quý trước, nhờ hoạt động TPDN & bảo hiểm mạnh mẽ bù đắp cho sự sụt giảm của dịch vụ thẻ, LC, quản lý tiền mặt và thanh toán.

Chất lượng tài sản tiếp tục xu hướng cải thiện, đệm dự phòng được củng cố

Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,07% từ 1,16% trong Q3/2025 trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 128% từ 119%. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành giảm mạnh xuống 0,03% (so với 0,14% trong 9 tháng đầu năm 2025), đồng thời tỷ lệ nợ nhóm 2 mới hình thành cũng thu hẹp.

Chi phí dự phòng tăng khoảng 6 lần so với cùng kỳ trên mức nền thấp bất thường trong Q4/2024, nhưng vẫn thấp hơn 32% so với bình quân 3 quý đầu năm 2025 – củng cố quan điểm của chúng tôi rằng TCB vẫn duy trì chất lượng tài sản tốt và ổn định.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu gần như đi ngang trong 1 tháng qua, TCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,37 lần, chỉ cao hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần, phù hợp với hệ số ROE cao hơn của TCB (18% so với 17,4%). TCB hiện có P/E dự phóng năm 2026 là 8,2 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 8 lần nhưng có triển vọng tăng trưởng vượt trội với EPS dự phóng năm 2026 được dự báo sẽ tăng trưởng 23% (so với bình quân 16% của ngành).

Chúng tôi giữ nguyên khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu (tiềm năng tăng giá 28%). Như đã phân tích, chúng tôi nhận thấy một số rủi ro giảm giá đối với dự báo năm 2026 nếu hạn mức tăng trưởng tín dụng TCB được cấp thấp hơn so với giả định hiện tại của chúng tôi (23%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	56.7	60.1	67.3	85.4	101
Chi phí lãi	(29.0)	(24.6)	(29.7)	(37.8)	(42.3)
Thu nhập lãi thuần	27.7	35.5	37.6	47.6	58.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	8.71	8.04	8.81	9.96	12.3
Lãi thuần HĐ KDNH	0.20	0.59	1.60	1.00	1.00
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.99	2.44	3.19	3.06	3.09
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.03	0.06	0.07	0.07	0.08
Thu nhập khác	2.43	0.34	1.99	2.29	2.62
Tổng thu nhập HĐ	40.1	47.0	53.3	64.0	77.7
Chi phí HĐ	(13.3)	(15.4)	(16.6)	(18.7)	(21.0)
LN trước dự phòng	26.8	31.6	36.6	45.3	56.7
Chi phí dự phòng	(3.92)	(4.08)	(4.53)	(5.61)	(7.06)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	22.9	27.5	32.1	39.7	49.6
Chi phí thuế TNDN	(4.70)	(5.78)	(6.42)	(7.93)	(9.92)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.19)	(0.24)	(0.55)	(0.72)	(0.94)
Lợi nhuận thuần	18.0	21.5	25.1	31.0	38.8
EPS (đồng)	2,556	3,054	3,557	4,389	5,484
DPS (đồng)	-	1,500	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,045	7,047	7,067	7,067	7,067
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,045	7,065	7,067	7,067	7,067
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,045	7,065	7,067	7,067	7,067

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.62	3.38	6.94	8.99	10.9
Tiền gửi tại NHNN	27.1	54.4	47.8	42.3	49.1
Tiền gửi tại các TCTD khác	104	84.6	88.8	93.3	97.9
Chứng khoán kinh doanh	4.43	9.00	1.09	1.15	1.20
Các công cụ tài chính phái sinh	0.14	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	513	624	754	928	1,142
Tổng dư nợ cho vay	519	632	765	940	1,157
Dự phòng rủi ro	(6.13)	(8.09)	(10.4)	(12.2)	(14.7)
Chứng khoán đầu tư	105	149	162	187	191
CK đầu tư sẵn sàng để bán	105	142	155	181	185
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	6.90	6.90	6.90	6.90
Dự phòng rủi ro	(0.36)	(0.48)	(0.48)	(0.48)	(0.48)
Đầu tư dài hạn	3.05	3.10	3.10	3.10	3.10
Tài sản cố định	8.89	12.5	13.7	15.1	16.6
Tài sản khác	80.5	39.5	43.5	47.8	52.6
Tổng tài sản	849	979	1,121	1,327	1,564
Nợ phải trả	718	831	950	1,132	1,337
Tiền gửi của NHNN	0.00	0.01	0	0	0
Tiền gửi của các TCTD khác	153	132	145	160	176
Tổng tiền gửi KH	455	533	597	705	818
Trái phiếu và CCTG	84.7	140	183	241	316
Nợ khác	25.3	23.9	25.1	26.3	27.6
Vốn chủ sở hữu	130	145	161	185	216
Vốn điều lệ	35.2	70.6	70.7	70.7	70.7
Thặng dư vốn cổ phần	0.48	(0.00)	5.97	5.97	5.97
Lợi nhuận giữ lại	49.0	42.2	55.3	74.4	100
Quỹ & vốn khác của CSH	45.6	32.6	28.7	33.5	39.5
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.32	2.52	9.62	10.3	11.3
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	849	979	1,121	1,327	1,564
BVPS (đồng)	18,495	20,583	22,727	26,110	30,588

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	21.5	15.2	14.5	18.4	17.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	23.3	21.8	21.0	23.0	23.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	26.9	17.3	12.0	18.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	37.4	24.9	15.8	21.3	19.8
Tăng trưởng VCSH (%)	16.0	11.6	10.4	14.9	17.2
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(8.58)	28.2	5.92	26.5	23.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	1.76	16.0	8.16	12.4	12.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(2.53)	17.9	15.9	23.6	25.2
Tăng trưởng LNTT (%)	(10.5)	20.3	16.6	23.5	25.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	(10.7)	19.5	16.8	23.4	25.0
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.17	5.14	5.07	5.23	5.37
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.71)	(1.68)	(1.58)	(1.53)	(1.45)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	86.5	87.4	89.7	91.5	92.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	3.45	3.97	4.41	5.19	6.18
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	59.6	71.3	83.2	103	128
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	14.1	11.8	10.1	8.19	6.56
P/B (lần)	1.94	1.75	1.58	1.38	1.18
Lợi suất cổ tức (%)	-	4.17	2.78	2.78	2.78

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	44.9	45.8	47.2	48.5	49.9
ROAA (%)	2.33	2.35	2.39	2.53	2.68
ROAE (%)	14.8	15.6	16.4	18.0	19.3
Chi phí huy động BQ (%)	4.63	3.28	3.43	3.72	3.50
Lợi suất góp BQ (%)	8.47	7.52	7.15	7.63	7.56
Lợi suất thuần (%)	3.84	4.24	3.72	3.90	4.05
Tỷ lệ NIM (%)	4.14	4.45	4.00	4.25	4.39
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	21.8	17.1	16.5	15.6	15.8
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	69.1	75.6	70.6	74.4	75.4
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.12	7.32	12.9	10.0	8.74
Tỷ lệ CIR (%)	33.1	32.7	31.2	29.2	27.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	49.1	28.1	22.8	18.2
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	14.3	15.3	14.2	13.7	13.0
VCSH/Tổng TS (%)	15.3	14.9	14.3	13.9	13.8
Đòn bẩy vốn (lần)	6.52	6.73	6.98	7.19	7.24
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.16	1.12	1.10	1.20	1.20
Hệ số LLR (%)	102	114	123	108	106
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	114	118	128	133	141
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	22.1	16.4	15.7	14.5	13.4
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	61.1	64.6	68.2	70.9	73.9
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	302	302	302	302	302
Số lượng nhân viên	11,614	11,848	12,085	12,327	12,573

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn